

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên tại Khoa Quốc tế - Đại học Huế**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-ĐHH ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc cho phép Khoa Quốc tế - Đại học Huế đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên;

Theo đề nghị của Khoa trưởng Khoa Quốc tế - Đại học Huế.


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (Mã số: 7850102) tại Khoa Quốc tế - Đại học Huế.

(Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đính kèm)

**Điều 2.** Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo này áp dụng cho khoá tuyển sinh từ năm 2022 trở về sau.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa trưởng Khoa Quốc tế - Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHH (để b/c);
- Lưu: VT, KQT.NTH.



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC HUẾ**

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**  
**TẠI KHOA QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2247/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế)*

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Việt): Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
2. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Anh): Natural Resources Economic
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Hình thức đào tạo: Chính quy
5. Mã ngành đào tạo: 7850102
6. Thời gian đào tạo: 42-48 tháng
7. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
8. Số tín chỉ yêu cầu: 116 (Không bao gồm các tín chỉ về ngoại ngữ không chuyên, giáo dục an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất)
9. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
10. Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định tại Quyết định 1277/QĐ-ĐHH, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế
11. Đơn vị cấp bằng: Đại học Huế

**B. CHUẨN ĐẦU RA**

**1. Mục tiêu chung**

Chương trình nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có bản lĩnh chính trị vững vàng và có trình độ, khả năng phân tích kinh tế các giá trị tài nguyên thiên nhiên, các dự án về tài nguyên và môi trường, các chính sách môi trường và quản lý tài nguyên ở các cấp khác nhau, các chính sách thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Kiến thức**

- Có kiến thức căn bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành; Có hiểu biết và nắm rõ lý thuyết về kinh tế tài nguyên - môi trường, hiểu biết về các nguyên nhân và cách giải quyết bằng chính sách đối với các vấn đề của môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiện nay.

- Có các kiến thức về đa dạng sinh học, suy thoái hệ sinh thái và ô nhiễm không khí đến các vấn đề rộng hơn như liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững, việc ứng dụng các lý thuyết và công cụ của kinh tế tài nguyên - môi trường được cho là cách hữu hiệu duy nhất để cung cấp thông tin và hướng dẫn những người làm chính sách trong việc giải quyết những thách thức về vấn đề tài nguyên và môi trường.

- Có khả năng phân tích kinh tế các giá trị tài nguyên thiên nhiên, các dự án về tài nguyên và môi trường, các chính sách môi trường và quản lý tài nguyên ở các cấp khác nhau, các chính sách thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

**2.2. Kỹ năng**

- Có kỹ năng lập luận, tư duy, phân tích, nghiên cứu và dự báo để thực hiện được các công việc liên quan trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên. Đáp ứng yêu cầu theo điều 27 - Quy chế đào tạo ĐH&CD hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Có những kỹ năng mềm như làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sử dụng ngoại ngữ, tin học thành thạo phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Bước đầu trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc với các đối tác quốc tế, các đề tài, dự án trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Sinh viên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên được trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn cụ thể như: Hoạch định, dự báo, phân tích, quản lý tài nguyên thiên nhiên; Tổ chức thực hiện công việc, phân công trách nhiệm từng thành viên, tiến độ thời gian thực hiện, phối hợp thực hiện giữa các cá nhân cũng như giữa các nhóm; Viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm cho chuyên ngành.

- Nâng cao khả năng sử dụng máy chiếu, máy tính, đọc các bản đồ GPS, GIS. Kỹ năng quản lý điều hành các dự án lập kế hoạch thực hiện, kiểm tra tiến độ thực hiện, điều chỉnh kế hoạch khi có thay đổi. Có trình độ ngoại ngữ, giao tiếp với người nước ngoài về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngành kinh tế tài nguyên môi trường.

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực về dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, có sáng kiến trong nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

- Sinh viên chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên được rèn luyện với thái độ ham học hỏi, cầu tiến, có ý thức trách nhiệm, luôn làm tròn nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng quy định về thời gian, quy tắc làm việc.

- Tự học tập nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu mới. Có tinh thần xây dựng cải tiến cách thức làm việc để đạt hiệu quả cao hơn và chấp hành quy định của pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan.

## 3. Chuẩn đầu ra

### 3.1. Phân cấp thang đo trình độ năng lực

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả
1. Biết	0.0 – 2.0 (I)	Có biết qua/có nghe qua
2. Hiểu	2.0 – 3.0 (II)	Có hiểu biết/có thể tham gia
3. Ứng dụng	3.0 – 3.5 (III)	Có khả năng ứng dụng
4. Phân tích	3.5 – 4.0 (IV)	Có khả năng phân tích
5. Tổng hợp	4.0 – 4.5 (V)	Có khả năng tổng hợp
6. Đánh giá	4.5 – 5.0 (VI)	Có khả năng đánh giá và sáng tạo

### 3.2. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ
<b>PLO 1</b>	<b>Kiến thức</b>	
<b>PLO 1.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	
<b>PLO 1.1.1</b>	Kiến thức về giáo dục chính trị	(I), (II)
<b>PLO 1.1.2</b>	Kiến thức về an ninh quốc phòng	(I), (II)
<b>PLO 1.1.3</b>	Kiến thức về giáo dục thể chất	(I), (II)
<b>PLO 1.1.4</b>	Kiến thức về ngoại ngữ	(I), (II), (III)
<b>PLO 1.1.5</b>	Kiến thức về khoa học tự nhiên	(I), (II), (III)
<b>PLO 1.1.6</b>	Kiến thức về khoa học xã hội	(I), (II), (III)
<b>PLO 1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành KTTNTN</b>	
<b>PLO 1.2.1</b>	Giải thích được các kiến thức, quy định của các chính sách kinh tế tổng thể, chính sách quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Làm rõ được sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong lĩnh vực KTTNTN.	(I), (II), (III)

<b>PLO 1.2.2</b>	Sử dụng được các kiến thức căn bản về thống kê, toán, kinh tế, và các công cụ phân tích định lượng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, tiền tệ, marketing, quản trị tài chính, kiểm toán, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô trong lĩnh vực liên quan đến tài nguyên thiên nhiên.	(I), (II), (III)
<b>PLO 1.2.3</b>	Áp dụng được các kiến thức về hệ sinh thái, môi trường và sử dụng được các công cụ để mô phỏng, đánh giá các nguồn tài nguyên thiên nhiên.	(I), (II), (III)
<b>PLO 1.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành KTTNTN</b>	
<b>PLO 1.3.1</b>	Áp dụng, phân tích và tổng hợp được các kiến thức về kinh tế tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững, định giá tài nguyên môi trường, tác động của các chính sách kinh tế đến môi trường và ngược lại. Tính toán được các lợi ích, chi phí liên quan đến tài nguyên, môi trường.	(I), (II), (III), (IV)
<b>PLO 1.3.2</b>	Áp dụng, phân tích và tổng hợp được các kiến thức về ô nhiễm và giảm thiểu ô nhiễm. Xây dựng được kế hoạch, chiến lược phát triển các nguồn năng lượng tái tạo nhằm nâng cao chất lượng môi trường đạt tối ưu xã hội.	(I), (II), (III), (IV)
<b>PLO 1.3.3</b>	Áp dụng, phân tích và tổng hợp được các kiến thức về sử dụng tối ưu các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; các kiến thức về kinh tế trong lĩnh vực bất động sản; marketing căn bản,	(I), (II), (III), (IV)
<b>PLO 1.3.4</b>	Áp dụng, phân tích và tổng hợp được các kiến thức để xây dựng chính sách ở các cấp về quản lý tài nguyên và môi trường như quyền sở hữu, tiêu chuẩn, thuế, phí, giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng, nguyên tắc đặt cọc – hoàn trả, ký quỹ môi trường, trợ cấp ngành giảm ô nhiễm môi trường hay khai thác và sử dụng tài nguyên.	(I), (II), (III), (IV)
<b>PLO 1.3.5</b>	Áp dụng, phân tích và tổng hợp được các kiến thức về biến đổi khí hậu, kinh tế biến đổi khí hậu nhằm đánh giá kinh tế các biện pháp hay chính sách thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.	(I), (II), (III), (IV), (V)
<b>PLO 2</b>	<b>Kỹ năng</b>	
<b>PLO 2.1</b>	<b>Kỹ năng cứng</b>	
<b>PLO 2.1.1</b>	Vận dụng được các kiến thức về tự nhiên (toán, tin học, địa lý, sinh thái...) và xã hội (chính trị, pháp luật, giao tiếp...) trong thực tiễn.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.1.2</b>	Xây dựng được các dự án, về cải tạo môi trường và khai thác tài nguyên thiên nhiên, quản lý nhà nước về môi trường và tài nguyên.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.1.3</b>	Cho ví dụ được lợi ích và chi phí và định giá các tài nguyên và môi trường phân tích kinh tế các chính sách thích ứng và giảm thiểu các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.1.4</b>	Tính toán, tổng hợp và đề xuất chính sách môi trường tối ưu xã hội và sử dụng tối ưu các nguồn lực. Thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá được thông tin kinh tế và môi trường, thực hiện tính toán kế toán môi trường quốc gia và toàn cầu; kỹ năng phân tích chính sách doanh nghiệp; kỹ năng giám sát, kỹ năng quản lý tài chính doanh nghiệp	(I), (II), (III), (IV), (V)

<b>PLO 2.1.5</b>	Sử dụng được các công cụ, phần mềm thành thạo để mô phỏng, quản lý, phân tích, truy xuất dữ liệu tài nguyên thiên nhiên.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.2</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>	
<b>PLO 2.2.1</b>	Chuyên nghiệp trong làm việc nhóm: thành lập, lãnh đạo và tổ chức hoạt động và phát triển nhóm; và có khả năng làm việc chuyên môn trong nhóm.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.2.2</b>	Chuyên nghiệp trong giao tiếp: có chiến lược giao tiếp; biết cách tổ chức giao tiếp; có năng lực giao tiếp bằng văn bản; có khả năng thuyết trình và thu hút trong giao tiếp.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.2.3</b>	Chuyên nghiệp trong tư duy hệ thống: lập luận vấn đề logic, có hệ thống, hiểu vấn đề ở phạm vi toàn cục, biết sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự cần ưu tiên giải quyết/xử lý.	(I), (II), (III)
<b>PLO 2.2.4</b>	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ tương đương trình độ B; sử dụng thành thạo tin học văn phòng tương đương trình độ A; sử dụng thành thạo internet trong giao tiếp và thu thập thông tin.	(I), (II), (III)
<b>PLO 3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>PLO 3.1</b>	<b>Thái độ học tập và nghiên cứu</b>	
<b>PLO 3.1.1</b>	Chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động ngoại khóa. Tham gia chương trình học tập, thực tập, nghiên cứu khoa học.	(I), (II), (III)
<b>PLO 3.1.2</b>	Trung thực trong học tập, đánh giá. Tự giác, cầu thị cập nhật các kiến thức, thông tin mới liên quan đến ngành học.	(I), (II), (III)
<b>PLO 3.2</b>	<b>Thái độ với xã hội</b>	
<b>PLO 3.2.1</b>	Chấp hành tốt chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; quan điểm chính trị vững vàng, biết cách xử lý hài hòa lợi ích cá nhân và tập thể - tổ chức và quốc gia.	(I), (II), (III)
<b>PLO 3.2.2</b>	Có phẩm chất đạo đức xã hội: có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức xã hội, các dân tộc; biết nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với xã hội; tư cách, tư cách đúng đắn, chuẩn mực trong quan hệ xã hội; và biết phê phán những hành vi không chuẩn mực với các tiêu chuẩn đạo đức.	(I), (II), (III)
<b>PLO 3.3</b>	<b>Thái độ với công việc</b>	
<b>PLO 3.3.1</b>	Tận tụy với công việc, thực hiện đúng trách nhiệm và nhiệm vụ được giao.	(I), (II), (III)
<b>PLO 3.3.2</b>	Cẩn thận, tỉ mỉ, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc. Bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, biết công nhận thành quả của người khác, biết chấp nhận thất bại và rút kinh nghiệm.	(I), (II), (III)

### C. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học phần bắt buộc
-----	-------	--------------	-------	-------------------

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương (chọn 21/25 tín chỉ: 17 bắt buộc, 4 tự chọn)</b>				
1	KTTN002	Tin học ứng dụng	2	x
2	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	x
3	LLCTTH3	Triết học Mác - Lênin	3	x
4	KTTN003	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	2	
5	KTTN004	Môi trường và con người	2	
6	KTTN037	Dân số và phát triển	2	
7	XHH1012	Xã hội học đại cương	2	
8	KTTN001	Toán kinh tế và xác suất thống kê	4	x
9	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x
10	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x
11	LTCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x
<b>Khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành (chọn 32/42 tín chỉ: 24 bắt buộc, 8 tự chọn)</b>				
12	KTTN005	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	x
13	KTTN008	Kinh tế lượng	3	x
14	KTTN012	Sinh thái học đại cương	2	
15	KTTN017	Quản trị học	2	
16	KTTN018	Biến đổi khí hậu	2	
17	KTTN019	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	
18	KTTN022	Địa lý thủy văn	2	
19	KTTN006	Kinh tế vi mô	3	x
20	KTTN007	Kinh tế vĩ mô	3	x
21	KTTN015	Trắc địa và bản đồ đại cương	4	x
22	KTTN025	Địa lý kinh tế	3	x
23	KTTN016	Kinh tế phát triển	2	
24	KTTN021	Du lịch sinh thái	2	
25	KTTN023	Khoa học đất đại cương	2	
26	KTTN024	Khí tượng học	2	
27	KTTN013	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	x
28	KTTN014	Viễn thám ứng dụng trong Quản lý tài nguyên và môi trường	3	x
<b>Khối kiến thức chuyên ngành (chọn 47/53 tín chỉ: 45 bắt buộc, 2 tự chọn)</b>				
29	KQTTT13	Nguyên lý Marketing	3	x
30	KTTN009	Kinh tế môi trường	3	x
31	KTTN010	Kiểm toán môi trường	3	x
32	KTTN033	Đánh giá tác động môi trường	3	x
33	QT22018	Tài chính nhập môn	4	x
34	KQT001	Phương pháp nghiên cứu, đánh giá tài nguyên môi trường	3	x
35	KTTN029	Quản lý Tài nguyên đất	2	x
36	KTTN030	Quản lý Tài nguyên nước	2	x
37	KTTN031	Quản lý Tài nguyên rừng	2	x
38	KTTN032	Quản lý môi trường	4	x
39	QT22028	Kinh doanh bất động sản	4	x
40	KTTN011	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	
41	KTTN020	Kinh tế học bền vững	2	
42	KTTN042	Kinh tế vùng	2	

43	KTTN043	Bảo tồn đa dạng sinh học	2	
44	KTTN027	Kinh tế tài nguyên	6	x
45	KTTN034	Phân tích lợi ích - chi phí	3	x
46	KTTN035	Định giá tài nguyên môi trường	3	x
<b>Thực tập nghề (chọn 6/6 tín chỉ: 6 bắt buộc, 0 tự chọn)</b>				
47	KTTN036	Thực tế nghề nghiệp	6	x
<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (chọn 10/20 tín chỉ)</b>				
48	KTTN	Khóa luận tốt nghiệp	10	
49	KTTN044	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	
50	KTTN045	Kinh tế nông hộ	3	
51	TNTL	Tiểu luận tốt nghiệp	4	

Chương trình đào tạo trên chưa bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ không chuyên, giáo dục thể chất và an ninh quốc phòng. 